

Số: 14/2021/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 9 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 20/2021/TLST - HNGĐ ngày 20/10/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Y Mỹ N

Địa chỉ: Thôn 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L

Địa chỉ: Thôn 16/5 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Y Mỹ N và anh Nguyễn Ngọc L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Mỹ N và anh Nguyễn Ngọc L thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung

Chị Y Mỹ N và anh Nguyễn Ngọc L có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Thảo N, sinh ngày 07/01/2016.

Chị Y Mỹ N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hà Thảo N, sinh ngày 07/01/2016 cho đến khi cháu N đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và tự lập được. Anh Nguyễn Ngọc L không phải cấp

đưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều a Khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi đương sự phải chịu $\frac{1}{2}$. Chị Y Mỹ Ntự nguyện nộp thay phần án phí cho anh Nguyễn Ngọc L, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0003455 ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh K. Hoàn trả lại cho chị N số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Y Trình